| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 222/2018/DS-ST
Ngày: 28-11-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Phạm Thạch Út

2/- Bà Mai Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST–DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm: 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ N, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ N, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 17/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2018, biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày:* Vào năm 2016 ông N có hỏi vay của bà số tiền 20.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/6/2018 làm tờ cam kết thỏa thuận với bà tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 30.000.000

đồng, ông N có hứa sẽ trả dần 2.000.000 đồng hàng tháng vào ngày 01 âm lịch, bắt đầu từ kỳ nhất ngày 01/6/2018 âm lịch trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 30.000.000 đồng. Bà B sẽ nhận tiền của ông N và giao lại cho bà vào ngày 01 hàng tháng. Từ khi bà với ông N và bà B làm tờ cam kết thỏa thuận trả nợ vay cho đến nay, phía ông N, bà B không có trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B phải trả lại cho bà số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2018, biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn N đã trình bày:* Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà M, trước đây ông có vay của bà M tổng cộng số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng để trả nợ cho người khác (nợ riêng của ông), tính đến ngày 06/6/2018 hai bên làm tờ cam kết thỏa thuận V/v trả nợ vay và có ký tên, lăn tay vào biên bản, bà Nguyễn Thị B là vợ của ông hoàn toàn không biết việc ông vay tiền của bà M, theo thỏa thuận hàng tháng vào ngày 01 âm lịch, bắt đầu kỳ thứ nhất ngày 01/6/2018 âm lịch trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 30.000.000 đồng. Bà B sẽ nhận tiền của ông và giao lại cho bà M vào ngày 01 hàng tháng. Tuy nhiên, từ lúc làm tờ thỏa thuận đến nay, ông không có đưa tiền cho bà B trả nợ cho bà M, do làm ăn thất bại (đi làm thuê cho tàu biển, thu nhập sau khi trừ các chi phí còn khoảng 1.500.000 đồng nên không có tiền gửi trả cho bà M), hiện nay vẫn còn nợ của bà M số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà M, ông xác nhận còn nợ của bà M số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng, ông đồng ý trả nợ vào các lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 15/3/2019 (âm lịch) trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 15/7/2019 (âm lịch) trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 15/11/2019 (âm lịch) trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2018, biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn N, việc ông N vay tiền của bà M bà hoàn toàn không biết, sau này bà mới biết, bà có ký tên, lăn tay vào tờ cam kết thỏa thuận ngày 06/6/2018 với nội dung là bà sẽ nhận số tiền 2.000.000 đồng của ông N và giao lại cho bà M vào ngày 01 hàng tháng. Nhưng từ khi làm tờ thỏa thuận đến nay, ông N không có gửi tiền cho bà trả cho bà M, hiện nay vẫn còn nợ bà M số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà M, bà không đồng ý trả nợ, vì bà không có vay tiền của bà M, nợ này là nợ riêng của ông N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B là bị đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Dương Thị M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay tổng cộng vốn lãi là 30.000.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà M với ông N thực tế có xảy ra, sự việc được chứng minh qua "Tờ cam kết thỏa thuận V/v trả nợ vay ngày 06/6/2018" và lời thừa nhận của ông N, do trong quá trình vay nợ ông N không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho bà M nên phát sinh tranh chấp. Qua hòa giải phía bị đơn ông N đều thừa nhận có vay của bà M 20.000.000 đồng cộng với lãi suất từ khi vay đến nay chưa trả nên có viết cam kết trả nợ và hiện nay còn nợ bà M 30.000.000 đồng chưa trả và đồng ý trả nợ, nhưng hai bên không thống nhất về phương thức trả nợ, phía bà M yêu cầu ông N, bà B phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà 01 lần số tiền vốn lãi là 30.000.000 đồng, phía ông N và bà B thì cho rằng đây là nợ riêng của ông N, nên bà B không có nghĩa vụ trả nợ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào "Tờ cam kết thỏa thuận V/v trả nợ vay ngày 06/6/2018" và lời trình bày của bà M tại phiên tòa cho thấy ông N là người trực tiếp vay nợ của bà M và nội dung tờ cam kết ngày 06/6/2018 cũng thể hiện ông N là người vay tiền của bà M và ông đồng ý trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng vào ngày 01 âm lịch bắt đầu kỳ thứ nhất vào ngày 01/6/2018 âm lịch cho đến khi hết số tiền 30.000.000 đồng, bà B sẽ nhận tiền của ông N và giao lại cho bà M vào ngày 01 hàng tháng, nếu ông N vi phạm thì bà M có quyền khởi kiện yêu cầu ông N trả 01 lần chứ không thể hiện đây là nợ chung của vợ chồng. Phía ông N trình bày đây là nợ riêng của ông, ông mượn tiền của bà M để trả nợ riêng của ông, ông không mang tiền về lo cho gia đình, bà B hoàn toàn không biết số nợ này. Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải bà B trình bày việc ông N vay tiền của bà M thì bà hoàn toàn không biết, do ông N chơi cờ bạc thiếu nợ bên ngoài nên mượn tiền của bà M trả nợ đến ngày 06/6/2018 bà có ký tên, lăn tay vào tờ cam kết thỏa thuận với nội dung là bà sẽ nhận số tiền 2.000.000 đồng của ông N và giao lại cho bà M vào ngày 01 hàng tháng. Nhưng ông N không có gửi tiền cho bà trả cho bà M, hiện nay vẫn còn nợ bà M số tiền nêu trên. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà M, bà không đồng ý trả nợ, vì bà không có vay tiền của bà M, nợ này là nợ riêng của ông N. Phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh thực tế bà B có biết số nợ này cũng như vay nợ để sử dụng vào nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình…. Do đó không có cơ sở để buộc bà B cùng có nghĩa vụ với ông N trả số nợ trên cho bà M được. Do đó nghĩ nên chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà M buộc ông N có nghĩa vụ trả nợ cho bà M là hoàn toàn phù hợp.

Về thời gian thanh toán nợ: Phía bà M yêu cầu thanh toán 1 lần, phía ông N xin được trả nợ dài hạn. Xét thấy trong mối quan hệ vay nợ này phía ông N là người có lỗi, vay nợ không thanh toán đúng hạn, kéo dài thời gian thanh toán nợ gây thiệt thòi về quyền lợi chính đáng cho phía bà M. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 30.000.000 đồng và trả 1 lần là hoàn toàn phù hợp. Nếu ông N thực sự có khó khăn thì sẽ được xem xét cụ thể trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 688, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị M.

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Dương Thị M số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị M được hoàn lại 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008556 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Dương Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2018). Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Kim Hoa**